

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
GEMADEPT

CÔNG TY
CỔ PHẦN
GEMADEPT

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN GEMADEPT
DN: c=VN, st=HỒ CHÍ
MINH, l=Quận 1, cn=CÔNG
TY CỔ PHẦN GEMADEPT,
0.9.2342.19200300.100.1.1
=MST:0301116791
Date: 2023.03.31 21:46:09
+07'00'



MỤC LỤC

| | Trang |
|---|--------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 3 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 5 - 8 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 9 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 10 - 11 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 12 - 45 |
| 8. Phụ lục | 46 |



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Gemadept hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301116791, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 19 tháng 5 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại : +84 (028) 3823 6236
- Fax : +84 (028) 3823 5236

Công ty kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi là khai thác cảng và logistics:

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trái dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Nam Đình Vũ, Nam Hải ICD, cảng Dung Quất, cảng Phước Long, cảng Bình Dương và cảng nước sâu Gemalink Cái Mép;
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không,...

Ngoài ra, Công ty đầu tư một số dự án có chọn lọc trong lĩnh vực trồng rừng và bất động sản:

- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia;
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm: dự án Khu phức hợp Saigon Gem và dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ tên | Chức vụ |
|-----------------------|--|
| Ông Đỗ Văn Nhân | Chủ tịch |
| Ông Chu Đức Khang | Phó Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Thanh Bình | Thành viên |
| Bà Bùi Thị Thu Hương | Thành viên |
| Bà Nguyễn Minh Nguyệt | Thành viên |
| Ông Vũ Ninh | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Hùng | Thành viên HĐQT độc lập (được bầu bổ sung từ tháng 4 năm 2022) |
| Ông Bolat Duisenov | Thành viên |
| Ông David Do | Thành viên |
| Bà Hà Thu Hiền | Thành viên (đã từ nhiệm từ tháng 4 năm 2022) |
| Ông Tsuyoshi Kato | Thành viên |

Ban kiểm soát

| Họ tên | Chức vụ |
|-------------------------|------------|
| Ông Lưu Tường Giai | Trưởng ban |
| Bà Vũ Thị Hoàng Bắc | Thành viên |
| Ông Trần Đức Thuận | Thành viên |
| Bà Phan Cẩm Ly | Thành viên |
| Bà Trần Hoàng Ngọc Uyên | Thành viên |

7815
CÔNG TY
NHỮNG
VÀ TƯ V
C
PHÓ C

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

| Họ tên | Chức vụ |
|-----------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Thanh Bình | Tổng Giám đốc |
| Ông Phạm Quốc Long | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Thế Dũng | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Đỗ Công Khanh | Phó Tổng Giám đốc |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Thanh Bình – Tổng Giám đốc Công ty (bổ nhiệm ngày 07 tháng 5 năm 2021).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Số: 1.0957/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2023, từ trang 05 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gemadept tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

**Lý Quốc Trung**

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0099-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hoàng Thái Vượng

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2129-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 1.275.686.201.364 | 894.731.074.151 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 521.845.666.787 | 56.628.916.610 |
| 1. Tiền | 111 | | 161.845.666.787 | 56.628.916.610 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 360.000.000.000 | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 68.935.595.985 | 30.841.485.028 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | V.2a | 45.723.235.680 | 45.723.235.680 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | V.2a | (27.787.639.695) | (15.881.750.652) |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2b | 51.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 624.667.767.126 | 773.633.225.915 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 82.890.915.731 | 43.793.628.341 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 60.715.376.506 | 46.761.281.758 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.5 | 178.623.500.000 | 82.123.500.000 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.6a | 312.633.109.073 | 610.832.650.654 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.7 | (10.195.134.184) | (9.877.834.838) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 9.294.173.113 | 6.450.969.411 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.8 | 9.294.173.113 | 6.450.969.411 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 50.942.998.353 | 27.176.477.187 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.9a | 2.623.242.485 | 1.008.972.503 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 48.297.975.374 | 25.109.437.990 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.16 | 21.780.494 | 1.058.066.694 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 5.951.021.027.060 | 5.392.919.326.783 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 22.949.705.713 | 22.943.705.713 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.6b | 22.949.705.713 | 22.943.705.713 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 568.325.241.602 | 536.275.667.522 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 510.510.580.133 | 443.195.915.534 |
| - Nguyên giá | 222 | | 947.220.286.595 | 813.241.209.632 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (436.709.706.462) | (370.045.294.098) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | V.11 | 44.630.763.406 | 78.555.811.617 |
| - Nguyên giá | 225 | | 235.413.682.251 | 235.315.786.602 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | (190.782.918.845) | (156.759.974.985) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.12 | 13.183.898.063 | 14.523.940.371 |
| - Nguyên giá | 228 | | 31.747.533.294 | 29.864.503.294 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (18.563.635.231) | (15.340.562.923) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 177.414.597.921 | 56.015.098.853 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.13 | 177.414.597.921 | 56.015.098.853 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 5.161.030.227.622 | 4.750.893.526.316 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.2c | 4.118.430.715.710 | 3.682.715.515.710 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.2c | 1.816.684.673.941 | 1.816.684.673.941 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2c | 5.000.599.762 | 5.000.599.762 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | V.2c | (779.085.761.791) | (753.507.263.097) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 21.301.254.202 | 26.791.328.379 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.9b | 21.301.254.202 | 26.292.520.709 |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | V.14 | - | 498.807.670 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 7.226.707.228.424 | 6.287.650.400.934 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1.815.262.050.260 | 927.367.559.082 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.603.422.494.480 | 725.431.497.097 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.15 | 39.536.660.127 | 29.061.964.888 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.16 | 34.177.877.292 | 399.637.664 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.17 | 27.018.109.113 | 14.854.276.584 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.18 | 1.641.619.705 | 1.379.822.145 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.19 | 1.039.094.764 | 1.314.355.164 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.20 | 1.138.500.357.967 | 110.742.724.679 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.21a | 326.332.675.187 | 531.801.814.648 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | V.22 | 1.752.276.539 | 1.752.276.539 |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.23 | 33.423.823.786 | 34.124.624.786 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 211.839.555.780 | 201.936.061.985 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.21b | 211.092.256.546 | 201.936.061.985 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | V.24 | 747.299.234 | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

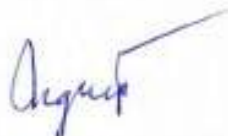
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 5.411.445.178.164 | 5.360.282.841.852 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 5.411.445.178.164 | 5.360.282.841.852 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.25 | 3.013.779.570.000 | 3.013.779.570.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 3.013.779.570.000 | 3.013.779.570.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.25 | 1.941.832.197.040 | 1.941.832.197.040 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | V.25 | 69.388.382.902 | 69.388.382.902 |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | V.25 | (705.171.862) | (584.613.242) |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.25 | 72.682.100.796 | 72.682.100.796 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | V.25 | 69.568.035.889 | 69.568.035.889 |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.25 | 244.900.063.399 | 193.617.168.467 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | - | 193.617.168.467 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 244.900.063.399 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 7.226.707.228.424 | 6.287.650.400.934 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2023



Vũ Thị Anh Thư
Người lập



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thành Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 648.028.822.500 | 259.370.360.718 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 648.028.822.500 | 259.370.360.718 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 248.010.860.195 | 149.136.402.080 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 400.017.962.305 | 110.233.958.638 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 478.576.037.869 | 565.348.689.499 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 108.462.596.987 | 149.299.113.310 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 65.421.780.024 | 55.028.932.758 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 1.472.413.337 | 2.665.802.967 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 256.237.712.194 | 124.735.887.743 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 512.421.277.656 | 398.881.844.117 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 2.155.709.736 | 15.466.356.922 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 23.326.865.906 | 536.195.215 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (21.171.156.170) | 14.930.161.707 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 491.250.121.486 | 413.812.005.824 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.16 | 28.093.005.378 | 114.956.107 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | VI.9 | 1.246.106.904 | (393.149.112) |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>461.911.009.204</u> | <u>414.090.198.829</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | - | - |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.10 | - | - |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Vu Thị Anh Thu
Người lập

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởngNguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-----------------------|--------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 491.250.121.486 | 413.812.005.824 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | V.10; | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.11; V.12 | 105.356.044.314 | 103.981.636.878 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.2; V.7 | 37.801.687.083 | 91.979.551.479 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | V1.3; V1.4 | (1.427.325.358) | 732.640.020 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | V1.3; V1.7 | (472.521.990.185) | (578.315.580.425) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | V1.4 | 65.421.780.024 | 55.028.932.758 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 225.880.317.364 | 87.219.186.534 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (6.491.539.948) | (24.200.813.678) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (2.843.203.702) | (801.192.732) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 1.059.534.679.843 | (24.610.768.132) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (4.490.986.877) | (5.199.669.199) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | 3.528.997.673 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | V.18, V.20, V1.4, VII | (43.452.525.258) | (57.079.998.174) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.16 | (16.479.507.056) | (390.932.850) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (24.675.366.872) | (10.839.511.851) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 1.186.981.867.494 | (32.374.702.409) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.10; V.12 V.13; VII | (282.062.471.750) | (74.993.015.252) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | V.10; V1.7; VII | 1.428.499.999 | 37.506.772.730 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | V.2b; V.5 | (241.500.000.000) | (122.793.500.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | V.2b; V.5 | 95.000.000.000 | 144.200.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | V.2c | (435.715.200.000) | (50.906.750.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | 55.371.828.595 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V1.3; VII | 702.820.679.904 | 448.160.077.271 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (160.028.491.847) | 436.545.413.344 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

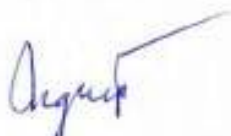
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | | |
|--|-----------|-------------|-------------------------------|------------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 1.265.207.415.750 | 1.019.933.755.898 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (1.423.825.536.888) | (1.088.878.966.291) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính | 35 | | (41.436.780.114) | (49.087.597.324) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.20; V.25 | (361.652.984.100) | (361.652.984.100) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | 40 | | <u>(561.707.885.352)</u> | <u>(479.685.791.817)</u> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 465.245.490.295 | (75.515.080.882) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 56.628.916.610 | 132.869.013.421 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (28.740.118) | (725.015.929) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | <u>521.845.666.787</u> | <u>56.628.916.610</u> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2023



Vũ Thị Anh Thư
Người lập



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng




Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty kiến định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi là khai thác cảng và logistics:

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Nam Đình Vũ, Nam Hải ICD, cảng Dung Quất, cảng Phước Long, cảng Bình Dương và cảng nước sâu Gemalink Cái Mép;
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không....;

Ngoài ra, Công ty đầu tư một số dự án có chọn lọc trong lĩnh vực trồng rừng và bất động sản:

- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia;
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm: dự án Khu phức hợp Saigon Gem và dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty tiếp tục góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Niêm Kiều Hạnh Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ và Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương.

Doanh thu năm nay tăng mạnh so với năm trước chủ yếu do giá cho thuê tàu biển tăng. Tuy nhiên như đã trình bày ở thuyết minh VIII.4, lợi nhuận năm nay chỉ tăng nhẹ do cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty con, công ty liên kết năm nay giảm so với năm trước.

6. Cấu trúc Công ty

Tại thời điểm cuối năm, Công ty có 18 công ty con và 10 công ty liên doanh, liên kết (tại thời điểm đầu năm Công ty có 18 công ty con và 10 công ty liên doanh, liên kết).

6a. Danh sách các công ty con tại thời điểm cuối năm

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|--------------------------------------|--|---------------|---------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ | Lô CA1, Khu công nghiệp Nam Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam | 60,00% | 60,00% | 60,00% |
| Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ | Km số 6 Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam | 84,66% | 84,66% | 84,66% |
| Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải | 201 Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam | 99,98% | 99,98% | 99,98% |
| Công ty Cổ phần ICD Nam Hải | Lô CN3, Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam | 65,00% | 65,00% | 65,00% |

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|---|--|---------------|---------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept – Dung Quất | Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, Xã Bình Thuận, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam | 80,40% | 80,40% | 80,40% |
| Công ty TNHH Cảng Phước Long | 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam | 100% | 100% | 100% |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ ⁽¹⁾ | Khu phố 7, Phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam | 46,00% | 46,00% | 54,00% |
| Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương | 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam | 100% | 100% | 100% |
| Công ty TNHH ISS – Gemadept | 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam | 51,00% | 51,00% | 51,00% |
| Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương | 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam | 100% | 100% | 100% |
| Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương | 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam | 100% | 100% | 100% |
| Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương | 61 Đường 468, Phường Toul Tumpoung 2, Quận Chamkarmon, TP. Phnom Penh, Campuchia | 100% | 100% | 100% |
| Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương | 18B Đường 500, Phường Phsar Deum Thkov, Quận Chamkarmon, TP. Phnom Penh, Campuchia | 100% | 100% | 100% |
| Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hân Thái Bình Dương | 947 Thôn Por Prok Khang Tbong, Phường Kar Karb, Quận Po Sen Chey, TP. Phnom Penh, Campuchia | 100% | 100% | 100% |
| Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M | 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam | 100% | 100% | 100% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept | 147 Nguyễn Thái Bình, Phường 3, TP. Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam | 50,00% | 50,00% | 50,00% |
| Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu | 1/1A Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam | 70,00% | 70,00% | 70,00% |
| Công ty Cổ phần Gemadept Miền Trung | Tầng 9, Tòa nhà Indochina Riverside Tower, 74 Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam | 75,00% | 75,00% | 75,00% |

- ⁽¹⁾ Công ty nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ do được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là 54%.

6b. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm cuối năm

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|---|---|---------------|-------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link | Ấp Tân Lộc, Phường Phước Hòa, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam | 41,67% | 41,67% | 41,67% |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn | 30 Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam | 33,75% | 33,75% | 33,75% |
| Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings | 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam | 49,10% | 49,10% | 49,10% |
| Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept | 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam | 50,00% | 50,00% | 50,00% |
| Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings | 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam | 51,00% | 51,00% | 50,00% |
| Công ty TNHH Golden Globe | Bản Sibunhuong, Quận Chanthabouly, Thủ đô Vientiane, Lào | 40,00% | 40,00% | 40,00% |

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thành Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|--------------------------------------|--|---------------|-------------------|------------------------|
| Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng | 117 Lê Lợi, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam | 45,00% | 45,00% | 45,00% |
| Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm | 267 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam | 26,56% | 26,56% | 26,56% |
| Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm | Cầu Tum, Khu phố Hải Tân, Thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam | 40,00% | 40,00% | 40,00% |
| Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu | 973 Đường 30/4, Phường 11, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam | 26,78% | 26,78% | 26,78% |

6c. Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|-----------------------------------|---|
| Xí nghiệp Vận tải Thái Bình Dương | Lầu 15, số 35 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam |
| Chi nhánh Đà Nẵng | 39 Quang Trung, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam |
| Chi nhánh Cần Thơ | 80-82-84 Lê Hồng Phong, Phường Bình Thủy, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam |
| Chi nhánh Vũng Tàu | 1/1A Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam |
| Chi nhánh Campuchia | 18B Đường 500, Khu phố 1, Phường Phsar Doeumthkov, Quận Chamkarmon, TP. Phnom Penh, Campuchia |

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 180 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 181 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch; việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi động.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ có tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho bao gồm nhiên liệu và hàng hóa. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí bảo hiểm và chi phí lãi thuê tài chính container. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian của hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí lãi thuê tài chính container

Chi phí lãi thuê tài chính container được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 06 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 25 |
| Máy móc và thiết bị | 05 – 07 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 15 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 08 |

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của thiết bị và phương tiện vận tải không quá 06 năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các Chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của Chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 – 08 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được cân cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 3.177.361.675 | 2.363.299.175 |
| Tiền gửi ngân hàng | 158.668.305.112 | 54.265.617.435 |
| Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng) | 360.000.000.000 | - |
| Cộng | <u>521.845.666.787</u> | <u>56.628.916.610</u> |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

| | <u>Số cuối năm</u> | | | <u>Số đầu năm</u> | | |
|-----------------------------------|------------------------------|------------------------------|--------------------------------|------------------------------|------------------------------|--------------------------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị hợp lý</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị hợp lý</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Cổ phiếu | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức | 31.488.264.362 | 17.935.341.285 | (13.552.923.077) | 31.488.264.362 | 29.841.168.000 | (1.647.096.362) |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan | 14.234.321.100 | - | (14.234.321.100) | 14.234.321.100 | - | (14.234.321.100) |
| Các cổ phiếu khác | 650.218 | 254.700 | (395.518) | 650.218 | 415.000 | (333.190) |
| Cộng | <u>45.723.235.680</u> | <u>17.935.595.985</u> | <u>(27.787.639.695)</u> | <u>45.723.235.680</u> | <u>29.841.583.000</u> | <u>(15.881.750.652)</u> |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| Số đầu năm | (15.881.750.652) | (30.182.846.588) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | (11.905.889.043) | - |
| Hoàn nhập dự phòng | - | 14.301.095.936 |
| Số cuối năm | <u>(27.787.639.695)</u> | <u>(15.881.750.652)</u> |

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 12 tháng.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Đầu tư vào công ty con | <u>4.118.430.715.710</u> | <u>(652.965.816.954)</u> | <u>3.682.715.515.710</u> | <u>(575.414.785.335)</u> |
| Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương ⁽¹⁾ | 879.512.994.800 | (287.859.576.120) | 872.460.494.800 | (262.645.742.678) |
| Công ty Cổ phần Cảng Nam Định Vũ ⁽¹⁾ | 761.400.000.000 | - | 360.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương | 586.721.892.380 | (197.291.414.940) | 586.721.892.380 | (174.399.539.072) |
| Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải | 424.383.000.000 | - | 424.383.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hãn Thái Bình Dương ⁽¹⁾ | 397.660.074.530 | (157.494.066.560) | 373.067.374.530 | (129.311.579.012) |
| Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Định Vũ | 338.625.450.000 | - | 338.625.450.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Công ty TNHH Cảng Phước Long | 300.000.000.000 | - | 300.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương ⁽ⁱ⁾ | 94.460.000.000 | (10.320.759.334) | 91.790.000.000 | (9.057.924.573) |
| Công ty Cổ phần ICD Nam Hải | 78.000.000.000 | - | 78.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu | 67.200.000.000 | - | 67.200.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept | 60.000.000.000 | - | 60.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept – Dung Quất | 41.730.000.000 | - | 41.730.000.000 | - |
| Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M | 35.000.000.000 | - | 35.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ | 27.600.000.000 | - | 27.600.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Gemadept Miền Trung | 15.000.000.000 | - | 15.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương | 6.000.000.000 | - | 6.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương | 3.500.000.000 | - | 3.500.000.000 | - |
| Công ty TNHH ISS – Gemadept | 1.637.304.000 | - | 1.637.304.000 | - |
| <i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i> | 1.816.684.673.941 | (124.586.721.218) | 1.816.684.673.941 | (175.416.900.176) |
| Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link | 834.150.000.000 | (84.940.604.385) | 834.150.000.000 | (137.314.104.311) |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn | 393.773.440.000 | - | 393.773.440.000 | - |
| Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings | 131.555.876.205 | - | 131.555.876.205 | - |
| Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept | 108.001.500.000 | - | 108.001.500.000 | - |
| Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings | 104.620.023.000 | - | 104.620.023.000 | - |
| Công ty TNHH Golden Globe | 103.823.882.496 | (4.708.840.562) | 103.823.882.496 | (2.782.666.424) |
| Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng | 62.538.064.097 | - | 62.538.064.097 | - |
| Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm | 49.825.280.000 | (16.182.668.128) | 49.825.280.000 | (16.565.521.298) |
| Các công ty liên kết khác | 28.396.608.143 | (18.754.608.143) | 28.396.608.143 | (18.754.608.143) |
| <i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i> | 5.000.599.762 | (1.533.223.619) | 5.000.599.762 | (2.675.577.586) |
| Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam | 599.762 | - | 599.762 | - |
| Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Trí Tuệ Việt Nam | 5.000.000.000 | (1.533.223.619) | 5.000.000.000 | (2.675.577.586) |
| Cộng | 5.940.115.989.413 | (779.085.761.791) | 5.504.400.789.413 | (753.507.263.097) |

⁽ⁱ⁾ Tăng do góp vốn bổ sung.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Số đầu năm | (753.507.263.097) | (647.719.199.328) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | (25.578.498.694) | (105.788.063.769) |
| Số cuối năm | (779.085.761.791) | (753.507.263.097) |

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày tại thuyết minh số VIII.1b.

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố

Công ty đã dùng 690.820 cổ phần của Công ty trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình (xem thuyết minh số V.21b).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | 74.915.756.768 | 27.568.016.860 |
| Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link | 47.443.288.427 | 457.333.333 |
| Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept | 11.780.341.456 | 11.481.496.429 |
| Công ty Cổ phần ICD Nam Hải | 10.006.658.325 | 6.862.333.333 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Bình Dương | 3.668.072.726 | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ | 1.555.200.000 | 2.772.000.000 |
| Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept | 459.426.714 | 2.372.717.029 |
| Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept | 2.769.120 | - |
| Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ | - | 1.310.933.333 |
| Công ty TNHH Cảng Phước Long | - | 826.333.333 |
| Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải | - | 728.355.585 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept | - | 382.800.000 |
| Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ | - | 312.381.152 |
| Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept – Dung Quất | - | 61.333.333 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | 7.975.158.963 | 16.225.611.481 |
| Công ty Cổ phần CMA – CGM Việt Nam | - | 1.474.768.419 |
| Huyndai Merchant Marine Co., Ltd. | - | 1.379.647.516 |
| Các khách hàng khác | 7.975.158.963 | 13.371.195.546 |
| Cộng | 82.890.915.731 | 43.793.628.341 |

Một số khoản phải thu đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.21a).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng | 25.080.800.000 | 25.080.800.000 |
| Công ty Cổ phần Hàng hải Ngân Hà | 10.383.853.004 | 10.383.853.004 |
| Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp Hàng hải Sài Gòn | 6.264.000.000 | - |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thép Nguyên Khang | - | 4.835.297.932 |
| Các nhà cung cấp khác | 18.986.723.502 | 6.461.330.822 |
| Cộng | <u>60.715.376.506</u> | <u>46.761.281.758</u> |

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|------------------------------|
| <i>Cho các bên liên quan vay</i> | | |
| Công TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M | 101.500.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần ICD Nam Hải | 74.500.000.000 | 79.500.000.000 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm | 2.623.500.000 | 2.623.500.000 |
| Cộng | <u>178.623.500.000</u> | <u>82.123.500.000</u> |

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | <u>286.707.814.098</u> | <u>512.810.761.521</u> |
| Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương – Chi hộ | 111.056.867.140 | 107.548.222.694 |
| Công ty TNHH Golden Globe – Chi hộ | 26.386.143.000 | 25.554.675.300 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ – Cổ tức được chia | 16.607.306.845 | 14.724.106.845 |
| Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept – Dung Quất – Cổ tức được chia | 12.344.000.000 | 29.896.000.000 |
| Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương – Lợi nhuận được chia | 12.000.000.000 | 13.000.000.000 |
| Công TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M – Lợi nhuận được chia, lãi cho vay | 12.000.000.000 | 12.853.483.588 |
| Công ty Cổ phần ICD Nam Hải – Lãi cho vay | 3.836.547.945 | 3.644.082.192 |
| Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương – Chi hộ | 1.644.455.067 | 1.427.817.067 |
| Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương – Lợi nhuận được chia | 950.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link – Chi hộ | 67.424.328 | - |
| Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept – Nhờ thu hộ, chi hộ | 25.671.781 | 143.876.689 |
| Công ty TNHH Cảng Phước Long – Lợi nhuận được chia | 88.000.000.000 | 209.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ – Cổ tức được chia | - | 61.746.398.500 |
| Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ – Cổ tức được chia | - | 21.600.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept – Cổ tức được chia | - | 10.200.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------|------------------------|
| Các bên liên quan khác – Cổ tức được chia, lãi cho vay, chi hộ và phải thu khác | 1.789.397.992 | 1.472.098.646 |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 25.925.294.975 | 98.021.889.133 |
| Công ty TNHH Sông Hằng – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án Cảng tổng hợp Lê Chân | 4.000.000.000 | 7.000.000.000 |
| Tạm ứng | 6.029.590.577 | 6.963.902.134 |
| Các khoản đặt cọc ngắn hạn | 1.353.643.200 | 1.314.674.700 |
| Các khoản chi hộ | - | 69.169.929.466 |
| Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn | - | 45.567.123 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 14.542.061.198 | 13.527.815.710 |
| Cộng | 312.633.109.073 | 610.832.650.654 |

6b. Phải thu dài hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Mặt Trời Đông Dương – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án Khu dịch vụ hậu cần logistics | 18.000.000.000 | 18.000.000.000 |
| Các khoản đặt cọc dài hạn | 4.949.705.713 | 4.943.705.713 |
| Cộng | 22.949.705.713 | 22.943.705.713 |

7. Nợ xấu

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | | |
|--|---------------------------|--|---------------------------|--|-----------------|
| | <u>Thời gian quá hạn</u> | <u>Giá gốc</u> <u>Giá trị đã lập dự phòng</u> | <u>Thời gian quá hạn</u> | <u>Giá gốc</u> <u>Giá trị đã lập dự phòng</u> | |
| Bên liên quan | | 4.112.897.992 | 3.795.598.646 | (3.795.598.646) | |
| Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạt – Cho vay và lãi cho vay | | 4.112.897.992 | 3.795.598.646 | (3.795.598.646) | |
| Các tổ chức và cá nhân khác | | 7.082.212.312 | 7.082.212.312 | (6.082.236.192) | |
| Bà Nguyễn Thị Hồng Linh – Phải thu về kinh doanh chứng khoán | Trên 03 năm | 3.000.000.000 | Trên 03 năm | 3.000.000.000 | (3.000.000.000) |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | Từ 02 năm đến trên 03 năm | 4.082.212.312 | Từ 01 năm đến trên 03 năm | 4.082.212.312 | (3.082.236.192) |
| Cộng | | 11.195.110.304 | 10.877.810.958 | (9.877.834.838) | |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------|-------------------------|------------------------|
| Số đầu năm | (9.877.834.838) | (9.385.251.192) |
| Trích lập dự phòng | (317.299.346) | (492.583.646) |
| Số cuối năm | (10.195.134.184) | (9.877.834.838) |

8. Hàng tồn kho

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---------------------|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Nhiên liệu trên tàu | 9.197.236.081 | - | 5.466.457.736 | - |
| Hàng hóa | 96.937.032 | - | 984.511.675 | - |
| Cộng | 9.294.173.113 | - | 6.450.969.411 | - |

Một số hàng tồn kho đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.21a).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí bảo hiểm | 424.403.065 | 236.708.759 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 2.198.839.420 | 772.263.744 |
| Cộng | 2.623.242.485 | 1.008.972.503 |

9b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi thuê tài chính container | 10.338.839.229 | 18.206.822.631 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 10.962.414.973 | 8.085.698.078 |
| Cộng | 21.301.254.202 | 26.292.520.709 |

10. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 5.091.301.224 | 28.749.171.481 | 770.908.284.096 | 8.492.452.831 | 813.241.209.632 |
| Mua sắm mới | - | - | 30.511.660.101 | 1.163.575.165 | 31.675.235.266 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | - | - | 103.921.553.883 | - | 103.921.553.883 |
| Thanh lý | - | - | (1.487.775.455) | - | (1.487.775.455) |
| Chênh lệch tỷ giá | - | - | (134.578.751) | 4.642.020 | (129.936.731) |
| Số cuối năm | 5.091.301.224 | 28.749.171.481 | 903.719.143.874 | 9.660.670.016 | 947.220.286.595 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 5.091.301.224 | 28.445.489.407 | 126.284.641.166 | 4.348.487.596 | 164.169.919.393 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 5.091.301.224 | 28.636.249.722 | 329.334.578.883 | 6.983.164.269 | 370.045.294.098 |
| Khấu hao trong năm | - | 55.229.920 | 66.996.441.655 | 1.058.356.571 | 68.110.028.146 |
| Thanh lý | - | - | (1.487.775.455) | - | (1.487.775.455) |
| Chênh lệch tỷ giá | - | - | 37.517.653 | 4.642.020 | 42.159.673 |
| Số cuối năm | 5.091.301.224 | 28.691.479.642 | 394.880.762.736 | 8.046.162.860 | 436.709.706.462 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | - | 112.921.759 | 441.573.705.213 | 1.509.288.562 | 443.195.915.534 |
| Số cuối năm | - | 57.691.839 | 508.838.381.138 | 1.614.507.156 | 510.510.580.133 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 432.630.473.014 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ba Mươi Tháng Tư và Chailease International Financial Services (Singapore) Pte. Ltd. (xem thuyết minh số V.21).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tài sản cố định thuê tài chính**

| | Thiết bị và phương tiện vận tải |
|------------------------|--|
| Nguyên giá | |
| Số đầu năm | 235.315.786.602 |
| Tăng khác | 97.895.649 |
| Số cuối năm | <u>235.413.682.251</u> |
| Giá trị hao mòn | |
| Số đầu năm | 156.759.974.985 |
| Khấu hao trong năm | 34.022.943.860 |
| Số cuối năm | <u>190.782.918.845</u> |
| Giá trị còn lại | |
| Số đầu năm | 78.555.811.617 |
| Số cuối năm | <u>44.630.763.406</u> |

12. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm máy tính | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------------|---|------------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 1.271.530.010 | 28.592.973.284 | 29.864.503.294 |
| Mua trong năm | - | 1.883.030.000 | 1.883.030.000 |
| Số cuối năm | <u>1.271.530.010</u> | <u>30.476.003.284</u> | <u>31.747.533.294</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 8.643.289.495 | 8.643.289.495 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | - | 15.340.562.923 | 15.340.562.923 |
| Khấu hao trong năm | - | 3.223.072.308 | 3.223.072.308 |
| Số cuối năm | <u>-</u> | <u>18.563.635.231</u> | <u>18.563.635.231</u> |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 1.271.530.010 | 13.252.410.361 | 14.523.940.371 |
| Số cuối năm | <u>1.271.530.010</u> | <u>11.912.368.053</u> | <u>13.183.898.063</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời không sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí mua sắm tài sản cố định. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Số cuối năm |
|--|------------------------------|--|--|-------------------------------|
| Chi phí mua cầu, xe nâng, sà lan ⁽¹⁾ | 51.293.356.911 | 225.321.052.951 | (103.921.553.883) | 172.692.855.979 |
| Phần mềm HR | 3.366.566.500 | - | - | 3.366.566.500 |
| Phần mềm ORC | 1.355.175.442 | - | - | 1.355.175.442 |
| Cộng | <u>56.015.098.853</u> | <u>225.321.052.951</u> | <u>(103.921.553.883)</u> | <u>177.414.597.921</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

⁽¹⁾ Một số chi phí xây dựng cơ bản dở dang có giá trị theo sổ sách là 108.660.317.272 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (xem thuyết minh số V.21b).

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---------------|--------------------|
| Số đầu năm | 498.807.670 | 105.658.558 |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm | (498.807.670) | 393.149.112 |
| Số cuối năm | - | 498.807.670 |

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>22.724.575.818</i> | <i>7.490.237.299</i> |
| Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept | 22.278.804.779 | 3.172.077.546 |
| Công ty Cổ phần Mekong Logistics | 445.771.039 | 796.676.182 |
| Công ty Cổ phần Gemadept Miền Trung | - | 3.521.483.571 |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | <i>16.812.084.309</i> | <i>21.571.727.589</i> |
| Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp | - | 7.023.418.180 |
| Hàng hải Sài Gòn | - | 3.201.456.334 |
| Hansung Line Co., Ltd | - | - |
| Các nhà cung cấp khác | 16.812.084.309 | 11.346.853.075 |
| Cộng | 39.536.660.127 | 29.061.964.888 |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

16a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước phát sinh tại Việt Nam

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | Số cuối năm | |
|----------------------------|--------------------|----------------------|------------------------|-------------------------|----------------------|-------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã thực nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | - | 211.216.537 | (211.216.537) | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 744.398.291 | 24.329.301.971 | (16.479.507.056) | 7.105.396.624 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 194.817.272 | - | 24.457.255.961 | (23.361.984.738) | 1.290.088.495 | - |
| Thuế nhà thầu | 191.546.840 | - | 6.362.460.207 | (6.575.787.541) | - | 21.780.494 |
| Các loại thuế khác | - | 313.668.403 | 673.494.220 | (359.825.817) | - | - |
| Cộng | 386.364.112 | 1.058.066.694 | 56.033.728.896 | (46.988.321.689) | 8.395.485.119 | 21.780.494 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16b. Thuế và các khoản phải nộp phát sinh tại Chi nhánh Campuchia

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong năm</u> | <u>Số đã thực nộp trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--|-------------------|------------------------------|---------------------------------|-----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | 11.821.562.679 | - | 11.821.562.679 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 13.273.552 | 3.763.703.407 | - | 3.776.976.959 |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 55.612.304 | - | 55.612.304 |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 10.128.240.231 | - | 10.128.240.231 |
| Cộng | 13.273.552 | 25.769.118.621 | - | 25.782.392.173 |

17. Phải trả người lao động

Tiền lương và các khoản khác phải trả công nhân viên.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|----------------------|----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | - | 52.371.630 |
| Công ty Cổ phần Gemadept Miền Trung – Phí đại lý | - | 47.406.903 |
| Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ – Phí đại lý | - | 4.964.727 |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 1.641.619.705 | 1.327.450.515 |
| Chi phí lãi vay | 1.211.619.705 | 558.060.336 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 430.000.000 | 769.390.179 |
| Cộng | 1.641.619.705 | 1.379.822.145 |

19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Tiền nhận trước về cho thuê tài sản cố định.

20. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | 4.579.636.358 | 5.172.955.750 |
| Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ – Chi phí lãi vay | 2.117.699.175 | - |
| Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M – Chi phí lãi vay | 992.795.865 | - |
| Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hân Thái Bình Dương – Nhờ chi hộ | 566.531.235 | 566.531.235 |
| Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept – Thu hộ, phải trả khác | 516.029.907 | - |
| Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải – Chi phí lãi vay | 286.373.240 | - |
| Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept – Nhận đặt cọc cho thuê văn phòng | 72.304.500 | 72.304.500 |
| Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ – Chi phí lãi vay | 20.665.205 | - |
| Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link – Thu hộ | 7.237.231 | - |
| Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept – Thu hộ | - | 2.534.836.729 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept – Các khoản thu hộ và phải trả khác | - | 1.677.414.393 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bán thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------------|------------------------|
| Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng – Các khoản thu hộ và phải trả khác | - | 321.868.893 |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 1.133.920.721.609 | 105.569.768.929 |
| Nhận đặt cọc để chuyển nhượng công ty con (*) | 1.000.000.000.000 | - |
| Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý | 2.742.067.385 | 2.772.929.296 |
| Các khoản nhận đặt cọc ngắn hạn | 766.630.543 | 904.124.449 |
| Cổ tức phải trả | 211.336.350 | 210.772.050 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 130.200.687.331 | 101.681.943.134 |
| Cộng | 1.138.500.357.967 | 110.742.724.679 |

(*) Khoản nhận đặt cọc để đảm bảo cho việc các bên mua sẽ ký kết các Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn và hoàn thành giao dịch chuyển nhượng công ty con.

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính

21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan (ii) | 97.000.000.000 | 321.012.300.000 |
| Vay Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ | 46.000.000.000 | - |
| Vay Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương | 41.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| Vay Công ty Cổ phần Cảng Bình Dương | 10.000.000.000 | 60.000.000.000 |
| Vay Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải | - | 81.512.300.000 |
| Vay Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ | - | 71.000.000.000 |
| Vay Công ty TNHH Cảng Phước Long | - | 58.000.000.000 |
| Vay Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M | - | 44.500.000.000 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác | 229.332.675.187 | 210.789.514.648 |
| Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (iii) | 75.575.015.799 | 28.938.090.628 |
| Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh (iii) | 25.107.983.100 | 24.834.614.056 |
| Vay Chailease International Financial Services (Singapore) Pte. Ltd. | - | 34.285.500.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b) | 92.692.729.513 | 81.399.938.572 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b) | 35.956.946.775 | 41.331.371.392 |
| Cộng | 326.332.675.187 | 531.801.814.648 |

(i) Khoản vay các bên liên quan theo lãi suất được quy định cụ thể trong từng hợp đồng.

(ii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản phải thu luân chuyển và hàng tồn kho (xem các thuyết minh số V.3 và V.8) với giá trị tối thiểu bằng dư nợ tín dụng.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------|------------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | 187.430.327.989 | 145.056.734.283 |
| Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ⁽ⁱ⁾ | 100.677.994.656 | 76.568.734.283 |
| Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ba Mươi Tháng Tư ⁽ⁱⁱ⁾ | 82.072.333.333 | 26.708.000.000 |
| Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 3.020.000.000 | 15.140.000.000 |
| Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(iv) | 1.660.000.000 | 6.640.000.000 |
| Vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Sài Gòn | - | 20.000.000.000 |
| Nợ thuê tài chính dài hạn | 23.661.928.557 | 56.879.327.702 |
| Thuê tài chính Global Container International LLC | 23.661.157.122 | 56.319.843.199 |
| Thuê tài chính Intermodal Investment Fund IV LLC | 771.435 | 559.484.503 |
| Cộng | 211.092.256.546 | 201.936.061.985 |

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam để tái tài trợ khoản vay đầu tư mua tàu Green Pacific và Pride Pacific với thời hạn vay không quá 48 tháng kể từ ngày tái tài trợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).

Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam để bổ sung vốn đầu tư dự án cầu nổi Pontoon với thời hạn vay không quá 07 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay (xem thuyết minh số V.13).

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ba Mươi Tháng Tư để đầu tư mua 04 sà lan tải trọng 248 Teus với thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).

⁽ⁱⁱⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình để góp vốn vào Công ty TNHH Cảng Phước Long với thời hạn vay không quá 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng 690.820 cổ phần của Công ty trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (xem thuyết minh số V.2c).

^(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đầu tư mua 04 xe nâng container với thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | Từ 01 năm trở xuống | Trên 01 năm đến 05 năm | Tổng nợ |
|--------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 92.692.729.513 | 187.430.327.989 | 280.123.057.502 |
| Nợ thuê tài chính | 35.956.946.775 | 23.661.928.557 | 59.618.875.332 |
| <i>Tiền gốc phải trả</i> | <i>29.154.395.469</i> | <i>19.132.672.935</i> | <i>48.287.068.404</i> |
| <i>Lãi thuê phải trả</i> | <i>6.802.551.306</i> | <i>4.529.255.622</i> | <i>11.331.806.928</i> |
| Cộng | 128.649.676.288 | 211.092.256.546 | 339.741.932.834 |
| Số đầu năm | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 81.399.938.572 | 145.056.734.283 | 226.456.672.855 |
| Vay dài hạn tổ chức khác | 60.000.000.000 | - | 60.000.000.000 |
| Nợ thuê tài chính | 41.331.371.392 | 56.879.327.702 | 98.210.699.094 |
| <i>Tiền gốc phải trả</i> | <i>33.440.978.666</i> | <i>46.055.601.974</i> | <i>79.496.580.640</i> |
| <i>Lãi thuê phải trả</i> | <i>7.890.392.726</i> | <i>10.823.725.728</i> | <i>18.714.118.454</i> |
| Cộng | 182.731.309.964 | 201.936.061.985 | 384.667.371.949 |

21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng khoản phải trả ngắn hạn liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 34.124.624.786 | 35.289.577.879 |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | 48.974.565.872 | 29.674.558.758 |
| Giảm trong năm | (49.675.366.872) | (30.839.511.851) |
| Số cuối năm | 33.423.823.786 | 34.124.624.786 |

24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Chi tiết phát sinh như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------|--------------------|------------------|
| Số đầu năm | - | - |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh | 747.299.234 | - |
| Số cuối năm | 747.299.234 | - |

25. Vốn chủ sở hữu**25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

25b. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------|-------------|-------------|
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 301.377.957 | 301.377.957 |
| Cổ phiếu phổ thông | 301.377.957 | 301.377.957 |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 301.377.957 | 301.377.957 |
| Cổ phiếu phổ thông | 301.377.957 | 301.377.957 |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

25c. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 056/NQ-ĐHĐCĐ-GMD của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, ngày 25 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

- Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5%) : 30.609.103.670 VND
- Trích lập Quỹ Hội đồng quản trị (3%) : 18.365.462.202 VND
- Chia cổ tức (12%) : 361.653.548.400 VND

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

26a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản theo các thời hạn như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 18.420.595.200 | 18.420.595.200 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 9.210.297.600 | 27.630.892.800 |
| Cộng | 27.630.892.800 | 46.051.488.000 |

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê và phí quản lý phải trả cho việc thuê văn phòng Công ty TNHH CJ Việt Nam tại số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

26b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 916.305,71 USD (số đầu năm là 854.446,83 USD).

26c. Nợ khó đòi đã xử lý

| | Số cuối năm | Số đầu năm | Nguyên nhân xóa sổ |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------------|
| Gemadept (S) Pte. Ltd. | 113.372.510.867 | 113.372.510.867 | Do tái cấu trúc, giải thể công ty |
| Grand Pacific Shipping Pte Ltd | 29.458.000.000 | 29.458.000.000 | Do tái cấu trúc, giải thể công ty |
| Các đối tượng khác | 4.801.716.549 | 4.801.716.549 | Không có khả năng thu hồi |
| Cộng | 147.632.227.416 | 147.632.227.416 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản,... | 647.371.489.411 | 258.327.276.463 |
| Doanh thu cho thuê văn phòng và doanh thu khác | 657.333.089 | 1.043.084.255 |
| Cộng | <u>648.028.822.500</u> | <u>259.370.360.718</u> |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số VIII.1b.

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản,...

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 112.837.506 | 704.420.567 |
| Lãi tiền cho vay | 6.266.341.686 | 9.490.755.492 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 465.827.148.500 | 530.942.546.500 |
| Lãi thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn | - | 23.656.519.946 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 4.942.384.819 | 554.446.994 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 1.427.325.358 | - |
| Cộng | <u>478.576.037.869</u> | <u>565.348.689.499</u> |

4. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 65.421.780.024 | 55.028.932.758 |
| Lỗ thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán | - | 817.538.572 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 5.028.025.632 | 642.644.558 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | - | 732.640.020 |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | 37.484.387.737 | 91.486.967.833 |
| Chi phí tài chính khác | 528.403.594 | 590.389.569 |
| Cộng | <u>108.462.596.987</u> | <u>149.299.113.310</u> |

5. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.472.413.337 | 2.396.251.383 |
| Các chi phí khác | - | 269.551.584 |
| Cộng | <u>1.472.413.337</u> | <u>2.665.802.967</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nhân viên | 108.454.594.888 | 79.972.331.105 |
| Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng | 751.504.498 | 1.007.365.668 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 6.578.264.484 | 6.552.002.874 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 317.299.346 | 492.583.646 |
| Chi phí thuê văn phòng | 18.544.993.265 | 17.637.132.588 |
| Các chi phí khác | 121.591.055.713 | 19.074.471.862 |
| Cộng | <u>256.237.712.194</u> | <u>124.735.887.743</u> |

7. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Lãi thanh lý tài sản cố định | 428.499.999 | 14.225.758.487 |
| Các khoản thu nhập khác | 1.727.209.737 | 1.240.598.435 |
| Cộng | <u>2.155.709.736</u> | <u>15.466.356.922</u> |

8. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------|------------------------------|---------------------------|
| Thuế phải nộp bổ sung | 22.999.237.054 | - |
| Chi phí bồi thường | 315.777.000 | 217.950.000 |
| Các khoản chi phí khác | 11.851.852 | 318.245.215 |
| Cộng | <u>23.326.865.906</u> | <u>536.195.215</u> |

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế | 747.299.234 | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 498.807.670 | - |
| Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | - | (393.149.112) |
| Cộng | <u>1.246.106.904</u> | <u>(393.149.112)</u> |

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 29.114.160.784 | 7.843.692.096 |
| Chi phí nhân công | 141.672.515.568 | 96.982.749.266 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 105.356.044.314 | 103.981.636.878 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 87.404.076.764 | 44.633.722.334 |
| Chi phí khác | 142.174.188.296 | 23.096.292.216 |
| Cộng | <u>505.720.985.726</u> | <u>276.538.092.790</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Công ty có các khoản công nợ liên quan tới mua sắm, thanh lý tài sản cố định, lãi cho vay và cổ tức, lợi nhuận được chia như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Trả trước tiền mua sắm tài sản cố định | 21.593.769.002 | 5.215.101.868 |
| Nợ phải trả tiền mua sắm tài sản cố định | 910.537.321 | 7.715.023.720 |
| Thanh lý tài sản cố định chưa thu tiền | 1.347.491.116 | 2.347.491.116 |
| Lãi cho vay và cổ tức, lợi nhuận được chia | 150.338.516.683 | 381.065.706.401 |

Trong năm Công ty đã thanh toán lãi vay bằng cách cắt trừ công nợ với số tiền 17.898.161.912 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

| | <u>Chức danh</u> | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------|--|----------------|------------------|
| Hội đồng quản trị | | | |
| Ông Đỗ Văn Nhân | Chủ tịch HĐQT | 3.309.648.823 | 2.858.710.000 |
| Ông Chu Đức Khang | Phó Chủ tịch HĐQT | 3.419.813.822 | 2.233.625.000 |
| Ông Nguyễn Thanh Bình | Thành viên HĐQT | 4.714.580.200 | 3.739.209.191 |
| Bà Bùi Thị Thu Hương | Thành viên HĐQT | 2.952.740.673 | 2.443.273.000 |
| Bà Nguyễn Minh Nguyệt | Thành viên HĐQT | 2.947.418.685 | 2.463.793.000 |
| Ông Vũ Ninh | Thành viên HĐQT | 1.763.661.423 | 1.530.874.000 |
| Ông Nguyễn Văn Hùng | Thành viên HĐQT độc lập (bỏ nhiệm từ tháng 4/2022) | 80.000.000 | - |
| Ông Bolat Duisenov | Thành viên HĐQT không điều hành | 120.000.000 | 120.000.000 |
| Ông David Do | Thành viên HĐQT không điều hành | 120.000.000 | 120.000.000 |
| Ông Tsuyoshi Kato | Thành viên HĐQT không điều hành | 120.000.000 | 120.000.000 |
| Bà Hà Thu Hiền | Thành viên HĐQT không điều hành | 40.000.000 | 120.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Chức danh | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------|---|----------------|------------------|
| Ông Phan Thanh Lộc | (từ nhiệm từ tháng 4/2022) Thành viên HĐQT không điều hành (từ nhiệm từ tháng 6/2021) | - | 60.000.000 |
| Ban kiểm soát | | | |
| Ông Lưu Tường Giai | Trưởng Ban kiểm soát | 60.000.000 | 60.000.000 |
| Bà Vũ Thị Hoàng Bắc | Thành viên Ban kiểm soát | 1.007.243.130 | 804.828.130 |
| Ông Trần Đức Thuận | Thành viên Ban kiểm soát | 619.711.600 | 530.944.380 |
| Bà Phan Cẩm Ly | Thành viên Ban kiểm soát | 60.000.000 | 60.000.000 |
| Bà Trần Hoàng Ngọc Uyên | Thành viên Ban kiểm soát | 60.000.000 | 60.000.000 |
| Ban Tổng Giám đốc | | | |
| Ông Nguyễn Thanh Bình | Tổng Giám đốc | 4.714.580.200 | 3.739.209.191 |
| Ông Phạm Quốc Long | Phó Tổng Giám đốc | 3.143.180.200 | 2.649.293.000 |
| Ông Đỗ Công Khanh | Phó Tổng Giám đốc | 3.242.220.200 | 2.441.173.000 |
| Ông Nguyễn Thế Dũng | Phó Tổng Giám đốc | 3.878.080.450 | 3.581.918.250 |

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|---|---------------------------------|
| Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hân Thái Bình Dương | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ | Công ty con |
| Công ty TNHH Cảng Phước Long | Công ty con |
| Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương | Công ty con |
| Công ty Cổ phần ICD Nam Hải | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept – Dung Quất | Công ty con |
| Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ | Công ty con |
| Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Gemadept Miền Trung | Công ty con |
| Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương | Công ty con |
| Công ty TNHH ISS – Gemadept | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link | Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn | Công ty liên kết |
| Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings | Công ty liên kết |
| Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept | Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát |
| Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings | Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát |
| Công ty TNHH Golden Globe | Công ty liên kết |
| Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Cảng Bình Dương | Công ty con gián tiếp |
| Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Bình Dương | Công ty con gián tiếp |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Gemadept | Công ty con gián tiếp |

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|---|---|
| Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng | Công ty con của Công ty liên kết |
| Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept | Công ty con của Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Mekong Logistics | Công ty con của Công ty liên kết |
| Gemadept Shipping Singapore Pte. Ltd. | Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát |
| Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd. | Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát |
| Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept | Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát |
| Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực | Công ty liên kết của Công ty liên kết |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan khác như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------|------------------|
| <i>Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương</i> | | |
| Góp vốn | 7.052.500.000 | - |
| <i>Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương</i> | | |
| Chi hộ | - | 3.003.264.701 |
| <i>Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải</i> | | |
| Doanh thu cho thuê tài sản | 3.600.000.000 | 2.000.000.000 |
| Doanh thu dịch vụ | 682.666.667 | 439.333.333 |
| Cổ tức được chia | 19.996.000.000 | 3.499.300.000 |
| Vay | 105.000.000.000 | 16.500.700.000 |
| Lãi vay | 5.725.419.481 | 4.598.320.990 |
| Chi hộ | 39.406.344 | 39.256.344 |
| <i>Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ</i> | | |
| Doanh thu cho thuê tài sản | 7.200.000.000 | 8.800.000.000 |
| Doanh thu dịch vụ | 3.670.666.667 | 2.707.333.333 |
| Chi phí dịch vụ | 4.933.091 | 89.418.547 |
| Góp vốn | 401.400.000.000 | - |
| Vay | 285.000.000.000 | 199.000.000.000 |
| Lãi vay | 8.064.123.284 | 10.452.821.923 |
| Cổ tức được chia | - | 21.600.000.000 |
| <i>Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hân Thái Bình Dương</i> | | |
| Góp vốn | 24.592.700.000 | 32.946.750.000 |
| <i>Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ</i> | | |
| Doanh thu cho thuê tài sản | 10.800.000.000 | 10.800.000.000 |
| Doanh thu dịch vụ | 3.130.666.667 | 3.247.333.333 |
| Chi phí dịch vụ | - | 800.000 |
| Cổ tức được chia | 135.450.180.000 | 253.969.087.500 |
| Vay | 143.000.000.000 | 48.000.000.000 |
| Lãi vay | 2.319.671.232 | 541.904.109 |
| Chi hộ | 39.314.325 | 56.264.628 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------|-----------------|
| Công ty TNHH Cảng Phước Long | | |
| Doanh thu cho thuê tài sản | 7.534.121.207 | 12.145.454.540 |
| Doanh thu dịch vụ | - | 61.333.333 |
| Chi phí dịch vụ | - | 195.000.000 |
| Lợi nhuận được chia | 138.000.000.000 | 121.000.000.000 |
| Vay | 211.000.000.000 | 120.000.000.000 |
| Lãi vay | 10.536.849.315 | 1.918.356.164 |
| Chi hộ | 90.095.112 | 89.795.112 |
| Công ty TNHH Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương | | |
| Góp vốn | 2.670.000.000 | 2.960.000.000 |
| Chi hộ | 216.638.000 | 201.348.000 |
| Công ty Cổ phần ICD Nam Hải | | |
| Doanh thu cho thuê tài sản | 11.453.695.991 | 11.249.454.588 |
| Doanh thu dịch vụ | 898.666.667 | 979.333.333 |
| Lãi cho vay | 5.664.410.960 | 6.490.328.767 |
| Chi hộ | 24.413.412 | 24.263.412 |
| Cổ tức được chia | 7.800.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept | | |
| Doanh thu dịch vụ | 363.000.000 | 348.000.000 |
| Chi hộ | 1.151.031.000 | 1.142.769.000 |
| Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept – Dung Quất | | |
| Doanh thu cho thuê tài sản | 589.939.391 | 676.363.632 |
| Doanh thu dịch vụ | - | 61.333.333 |
| Chi phí dịch vụ | - | 30.264.942 |
| Cổ tức được chia | 7.344.000.000 | 4.896.000.000 |
| Thu hộ | - | 1.662.408.192 |
| Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M | | |
| Lợi nhuận được chia | - | 12.000.000.000 |
| Vay | - | 150.000.000.000 |
| Lãi vay | 3.083.101.370 | 964.054.794 |
| Cho vay | 191.500.000.000 | 106.200.000.000 |
| Lãi cho vay | 402.904.109 | 2.182.295.890 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ | | |
| Doanh thu cho thuê tài sản | 4.320.000.000 | 4.320.000.000 |
| Cổ tức được chia | 4.416.000.000 | - |
| Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương | | |
| Chi phí dịch vụ | 745.324.748 | 498.249.322 |
| Lợi nhuận được chia | - | 3.000.000.000 |
| Chi hộ | 63.102.432 | 62.952.431 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Gemadept Miền Trung | | |
| Doanh thu cho thuê tài sản | 708.870.970 | - |
| Chi phí dịch vụ | 98.445.283 | 203.454.404 |
| Thanh lý tài sản cố định | - | 1.190.000.003 |
| Góp vốn | - | 15.000.000.000 |
| Thu hộ | - | 6.227.580.066 |
| Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương | | |
| Doanh thu dịch vụ | 252.800.000 | - |
| Lợi nhuận được chia | 950.000.000 | 4.000.000.000 |
| Vay | 45.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| Lãi vay | 1.351.931.508 | 357.506.853 |
| Chi hộ | 2.864.149 | 25.440.000 |
| Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link | | |
| Doanh thu cho thuê văn phòng | - | 132.404.160 |
| Doanh thu dịch vụ | 47.443.288.427 | 4.921.333.333 |
| Cho vay | - | 16.500.000.000 |
| Lãi cho vay | - | 641.506.849 |
| Vay | - | 20.000.000.000 |
| Lãi vay | - | 76.712.329 |
| Chi hộ | 67.424.328 | 65.049.634 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn | | |
| Cổ tức được chia | 140.617.505.000 | 92.208.200.000 |
| Lãi vay | - | 847.671.233 |
| Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept | | |
| Doanh thu cho thuê văn phòng | 384.349.600 | 377.872.960 |
| Lợi nhuận được chia | 10.000.003.500 | 13.437.750.000 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm | | |
| Cho vay | - | 93.500.000 |
| Lãi cho vay | 199.026.617 | 176.623.986 |
| Chi hộ | 118.272.729 | 114.576.000 |
| Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu | | |
| Cổ tức được chia | 1.253.460.000 | - |
| Công ty Cổ phần Cảng Bình Dương | | |
| Doanh thu cho thuê tài sản | 5.501.569.892 | 9.656.363.634 |
| Doanh thu dịch vụ | - | 61.333.333 |
| Chi phí dịch vụ | - | 225.000.000 |
| Vay | 80.000.000.000 | 60.000.000.000 |
| Lãi vay | 3.073.561.644 | 3.348.164.384 |
| Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng | | |
| Chi hộ | - | 22.600.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Mekong Logistics | | |
| Doanh thu dịch vụ | 143.208.000 | 140.698.804 |
| Lãi vay | - | 17.547.945 |
| Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept | | |
| Doanh thu cho thuê tài sản | 58.805.058.975 | 90.577.062.048 |
| Doanh thu dịch vụ | 1.791.257.610 | 2.647.177.273 |
| Thanh lý tài sản cố định | - | 32.727.272.728 |
| Thu hộ | 33.866.377.497 | 34.099.175.872 |
| Chi hộ | 36.822.324.168 | 31.740.932.683 |
| Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept | | |
| Doanh thu dịch vụ | 171.166.900 | 1.306.241.002 |
| Doanh thu cho thuê tài sản | 5.029.937.519 | 3.879.570.823 |
| Chi phí dịch vụ | 365.818.182 | - |
| Chi hộ | 374.443.361 | 2.035.733.151 |
| Thu hộ | 10.426.170.430 | 23.806.542.937 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Bình Dương | | |
| Doanh thu cho thuê tài sản | 16.949.928.149 | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Gemadept | | |
| Chi hộ | 17.250.303 | - |

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận và phù hợp với giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận và phù hợp với giá thị trường.

Cam kết bảo lãnh

Công ty đã thế chấp phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh liên quan đến khoản đầu tư Dự án Cảng Cái Mép – Gemadept Terminal Link giai đoạn 1.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6a, V.15, V.18, V.20 và V.21a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là hoạt động logistic, bao gồm dịch vụ vận tải, cho thuê các phương tiện vận tải, dịch vụ đại lý,... (chiếm đến 99,90% doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ).

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------|------------------------|------------------------|
| Trong nước | 195.007.134.214 | 171.822.409.154 |
| Nước ngoài | 453.021.688.286 | 87.547.951.564 |
| Cộng | 648.028.822.500 | 259.370.360.718 |

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------|------------------------|-----------------------|
| Trong nước | 268.623.993.241 | 87.577.029.504 |
| Nước ngoài | - | - |
| Cộng | 268.623.993.241 | 87.577.029.504 |

Chi tiết về tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------|--------------------------|--------------------------|
| Trong nước | 1.916.088.830.392 | 1.421.584.789.074 |
| Nước ngoài | 86.652.574.425 | 83.831.792.846 |
| Cộng | 2.002.741.404.817 | 1.505.416.581.920 |

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

4. Thông tin khác

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty năm 2022 đạt gần 462 tỷ VND, tăng gần 48 tỷ VND so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do:

- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng gần 160 tỷ VND, làm cho chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm tăng gần 30 tỷ VND;
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính giảm gần 46 tỷ VND do chi phí dự phòng đầu tư tài chính và các khoản Công ty nhận cổ tức, lợi nhuận từ các công ty con, công ty liên doanh, liên kết ít hơn so với năm trước;
- Lợi nhuận từ hoạt động khác giảm hơn 36 tỷ VND do trong năm phát sinh lãi thanh lý tài sản cố định ít hơn năm trước, đồng thời trong năm Công ty ghi nhận thuế phải nộp tại Chi nhánh Campuchia.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Vũ Thị Anh Thư
Người lập

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------------|----------------------------------|--------------------------|-------------------------------------|---|--------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 3.013.779.570.000 | 1.941.832.197.040 | 69.388.382.902 | (459.758.150) | 72.682.100.796 | 69.568.035.889 | 170.855.076.796 | 5.337.645.605.273 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | - | - | - | 414.090.198.829 | 414.090.198.829 |
| Trích lập các quỹ trong năm trước | - | - | - | - | - | - | (29.674.558.758) | (29.674.558.758) |
| Chia cổ tức trong năm trước | - | - | - | - | - | - | (361.653.548.400) | (361.653.548.400) |
| Chênh lệch tỷ giá | - | - | - | (124.855.092) | - | - | - | (124.855.092) |
| Số dư cuối năm trước | 3.013.779.570.000 | 1.941.832.197.040 | 69.388.382.902 | (584.613.242) | 72.682.100.796 | 69.568.035.889 | 193.617.168.467 | 5.360.282.841.852 |
| Số dư đầu năm nay | 3.013.779.570.000 | 1.941.832.197.040 | 69.388.382.902 | (584.613.242) | 72.682.100.796 | 69.568.035.889 | 193.617.168.467 | 5.360.282.841.852 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | - | - | - | 461.911.009.204 | 461.911.009.204 |
| Trích lập các quỹ trong năm nay | - | - | - | - | - | - | (48.974.565.872) | (48.974.565.872) |
| Chia cổ tức trong năm nay | - | - | - | - | - | - | (361.653.548.400) | (361.653.548.400) |
| Chênh lệch tỷ giá | - | - | - | (120.558.620) | - | - | - | (120.558.620) |
| Số dư cuối năm nay | 3.013.779.570.000 | 1.941.832.197.040 | 69.388.382.902 | (705.171.862) | 72.682.100.796 | 69.568.035.889 | 244.900.063.399 | 5.411.445.178.164 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2023



Vũ Thị Anh Thư
Người lập



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc